

Số: 26/2025/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 05 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 495/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Kim Nhị N**, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số F, ấp A, xã A (Thị trấn C), huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số F, Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: 1/ Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A (Thị trấn C), huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mai L, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A (Thị trấn C), huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: 1/ Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A (Thị trấn C), huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: ấp A, xã A (Thị trấn C), huyện C, tỉnh Bến Tre.

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Huỳnh Văn T thừa nhận nợ và

đồng ý trả bà Nguyễn Kim N1 Nương tổng số tiền nợ là 417.878.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 47.878.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Về thời gian và cách thức trả hai bên đương sự thỏa thuận thực hiện tại cơ quan thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 10.357.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Huỳnh Văn T chịu.

H lại cho bà Nguyễn Kim N1 Nương số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.357.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006259 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mỹ Hạnh